TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Hải Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn P

Bà Dương Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân quận Hải An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Yến Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 08/10/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1977; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 16/304 P, tổ dân phố P 8, phường Đ 1, quận H, Hải Phòng; nơi ở: Xã T, huyện T, Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn P, sinh năm 1970; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số 16/304 P, tổ dân phố P 8, phường Đ, quận H, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị và anh Đoàn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, Hải Phòng vào ngày 25/01/2002.

Sau khi kết hôn, anh chị chỉ hạnh phúc được khoảng hai năm thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sự chênh lệch về trình độ văn hóa, về quan điểm sống khiến vợ chồng không có sự thấu hiể, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Bên cạnh đó, do chị G công tác xa nhà, đi lại vất vả anh P không có sự cảm thông, san sẻ trách nhiệm gia đình với chị nên tình cảm vợ chồng ngày càng có nhiều khoảng cách.

Năm 2014 do sức khỏe, công việc cũng như việc không thuận tiện cho việc chăm sóc con nên chị G và con trai đã ở lại khu tập thể của Trường THPT Toàn Thắng, Tiên Lãng. Anh P không chia sẻ khó khan cùng chị mà ghen tuông, nghi ngờ vô cớ, nhiều lần tìm đến nơi chị công tác và cư trú xúc phạm, lăng mạ hạ thấp danh dự, uy tín của chị G, thiếu tôn trọng bố mẹ đẻ chị. Đồng thời không có trách nhiệm về kinh tế đối với vợ con. Cuộc sống hôn nhân của anh chị cứ như vậy kéo dài nhiều năm trong tình trạng không hạnh phúc, cả hai luôn có thái độ bức xúc, căng thẳng trong hành xử cũng như lời nói. Thực tế anh chị đã sống ly thân được gần 5 năm nay, không quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế.

Nay chị G nhận thấy bản thân không còn tình cảm, không thể cố gắng tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân hiện tại nên chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh P để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung Đoàn Nam K, sinh ngày 16/3/2008. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tiền cấp dưỡng nuôi con, chị đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị G, trong quá trình tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh P để làm rõ mâu thuẫn giữa anh và chị G cũng như quan điểm của cá nhân chị đối với các vấn đề hôn nhân, con chung và tài sản chung nhưng anh P đều tỏ thái độ không hợp tác và vắng mặt. Tại các buổi hoà giải cũng như phiên toà hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Anh Đoàn Văn P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn trong vụ án.

[1] Về thẩm quyền:

Yêu cầu về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của chị Nguyễn Thị G là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Đoàn Văn P hiện đang cư trú tại số nhà 16/304 P Lưu, tổ dân phố P Lưu 8, quận Hải An, Hải Phòng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hải An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị G và anh Đoàn Văn P tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Theo xác nhận từ gia đình và chính quyền địa P thể hiện chị G và anh P sống với nhau không có hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra từ nhiều năm nay. Cả hai đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2014, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt của đời sống. Gia đình cũng đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G để cả hai có cơ hội sớm ổn định cuộc sống.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng anh P có thái độ không hợp tác, vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy, anh P không còn thực sự quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng của chị G, không mong muốn vợ chồng cùng khắc phục mâu thuẫn để tiếp tục chung sống.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của chị G là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Con chung Đoàn Nam K, sinh ngày 16/3/2008 hiện đang sống cùng chị G. Bản thân cháu K cũng có nguyện vọng được ở với mẹ để ổn định việc học hiện nay của cháu.

Xét thấy yêu cầu về trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị G là có căn cứ, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh sống hiện tại của con chung nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con, chị G đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị G và anh P không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 35, 39, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Đoàn Văn P.

- Về con chung: Giao con chung Đoàn Nam K, sinh ngày 16/3/2008 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị G đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu số 0016226 ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An.

- Về quyền kháng cáo: Chị G có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh P có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- UBND xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, HP
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lương Thị Hải Hà